TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoàng Chân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Vụ án không thuộc trường hợp Viện Kiểm Sát tham gia.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 07 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: 487/28/17 Nguyễn Trung Tr, phường Vĩnh L, TP. Rạch Gí, tỉnh Kiên G.

2. Bị đơn: Ông Danh Đ**,** sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 487/28/17 Nguyễn Trung Tr, phường Vĩnh L, Tp Rạch Gi, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/06/2022 và bản tự khai, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Mộng Thg trình bày:

Bà Th và ông Danh Đ tự quen nhau có tổ chức lễ cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Rạch S và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 08/06/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình bên chồng tại Số 487/28/17 Nguyễn Trung Tr, phường Vĩnh L, Tp Rạch Gi, tỉnh Kiên G.

Cho đến tháng 05 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn sống ly thân cho tới nay. Lý do quá trình chung sống chúng tôi không phù hợp quan điểm sống, thường xuyên cự cải nhau trong vấn đề sinh hoạt gia đình, không hòa thuận được, không có hạnh phúc, anh Đ hờ hững không quan tâm vợ con, không còn tôn trọng nhau, cảm thấy không dung hòa được mối quan hệ vợ chồng, sau nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng không có tiếng nói chung mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Xét thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà Th làm đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Danh Đ.

Về con chung: Bà Th xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Danh Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07/01/2013. Hiện nay đang chung sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Th xác nhận vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Bà Th xác nhận vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Bà Th cam kết vợ chồng ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Bị đơn ông Danh Đ vắng mặt tại phiên toà nhưng có ý kiến trình bày tại bản tự khai và hoà giải như sau: ông Danh Đ xác nhận lời trình bày của bà Th là đúng. Trong lúc tức giận ông Đ có lời lẻ và hành động không đúng, ông thừa nhận có lỗi và xin hứa sữa sai không tái phạm. Tại phiên hòa giải ông Đ không đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của bà Th ông cho rằng hiện nay ông vẫn còn thương vợ thương con. Về con chung ông Đ xác nhận vợ chồng chung sống có 1 người con chung như bà Th trình bày, ông Đ thống nhất con theo ai người đó nuôi, ông không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung ông Đ xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Mộng Th yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn ông Danh Đ nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung bị đơn có nơi cư trú tại 487/28/17 Nguyễn Trung Tr, phường Vĩnh L, thành phố Rạch Gi, tỉnh Kiên G. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn ông Danh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng Th yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Danh Đ.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Bà Th và ông Danh Đ tự quen nhau có tổ chức lễ cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Rạch S, TP. Rạch Gí và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 08/06/2012 như vậy, việc kết hôn của bà Th và ông Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Th cho rằng sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình bên chồng tại 487/28/17 Nguyễn Trung Tr, phường Vĩnh L, Tp Rạch Gi, tỉnh Kiên G. Cho đến tháng 05 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn sống ly thân cho tới nay. Lý do quá trình chung sống không phù hợp quan điểm sống, thường xuyên cự cải nhau trong vấn đề sinh hoạt gia đình và làm ăn kinh tế gia đình, ông Đ hờ hững không quan tâm vợ con, không còn tôn trọng nhau, những lúc mâu thuẩn ông Đ thường dung vũ lực đối với bà Th, cảm thấy không dung hòa được mối quan hệ vợ chồng, sau nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng không có tiếng nói chung mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Xét thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà Th làm đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Danh Đ. Ông Đ thừa nhận lý do mâu thuẩn của vợ chồng như lời trình bày của bà Th là đúng.

Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn bà Th đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn ông Đ vắng mặt tại phiên toà nhưng có ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông không đồng ý ly hôn lý do ông còn thương vợ con, nguyên nhân mâu thuẩn ông Đ thừa nhận đúng như bà Th trình bày. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[2] Về con chung: Bà Th xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Danh Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07/01/2013. Hiện nay đang chung sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, hiện nay bà Th đang làm kế toán cho Công ty Thái H thu nhập bình quân mỗi tháng 8 triệu đồng. Tại bản tự khai và biên bản hoà giải ông Đ cũng thống nhất giao con cho bà Th tiếp tục nuôi ông không cấp dưỡng, Xét yêu cầu này của bà Th là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Căn quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản, nợ chung: Bà Th và ông Đ xác nhận vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng Th.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng Th phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000064, ngày 04/06/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên bà Th không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng Th, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng Th được ly hôn với ông Danh Đ.

- Về con chung: Giao người con chung tên Danh Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Mộng Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, bà Th không yêu cầu ông Danh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đ.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản, nợ chung: Bà Th và ông Đ xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng Th phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm

300.000 đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000064, ngày 24/06/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên bà Th không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Rạch Sỏi, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Hoàng Chân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Bé Em **Lê Thị Mỹ** **Trương Hoàng Chân**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Hiệp, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Hoàng Chân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Bé Em Chung Kim Sang Đào Đức Luân

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân